

Chủ quyền dữ liệu quốc gia - trụ cột bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số

Ngày nhận bài: 17/05/2026 | Ngày phản biện: 20/05/2026 | Ngày xuất bản: 17/08/2026

Tác giả: Hoàng Thị Lan Anh (Học viện viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, dữ liệu nổi lên như một loại tài nguyên chiến lược mới, có vai trò ngày càng quyết định đối với năng lực quản trị quốc gia và định hướng nhận thức xã hội. Vấn đề chủ quyền dữ liệu quốc gia hiện nay trở thành một cấu phần hữu cơ của chủ quyền quốc gia trong kỷ nguyên số, gắn trực tiếp với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy những bất cập mang tính hệ thống trong quản trị và khai thác dữ liệu như tình trạng lộ, lọt dữ liệu, khoảng cách giữa chính sách và thực thi, sự phân mảnh trong hệ thống dữ liệu, hạn chế trong kiểm soát dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới và những yếu tố liên quan đến con người. Từ thực tiễn đó, cần khẳng định rằng bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia không chỉ là yêu cầu phát triển mà còn là nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên số.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi căn bản cấu trúc quyền lực trong xã hội hiện đại. Trước đây, quyền lực gắn với lãnh thổ, dân cư và tài nguyên vật chất, thì trong kỷ nguyên số, dữ liệu trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia, năng lực quản trị xã hội và cả khả năng định hướng nhận thức. Trong điều kiện đó, các thế lực thù địch, cơ hội chính trị ngày càng lợi dụng không gian mạng, khai thác dữ liệu xuyên biên giới để tiến hành các hoạt động thao túng thông tin, làm xói mòn niềm tin xã hội và từng bước tác động vào nền tảng tư tưởng của Đảng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nhận thức đầy đủ và xây dựng chủ quyền dữ liệu quốc gia như một cấu phần không thể tách rời của chủ quyền quốc gia

hiện đại. Các văn kiện gần đây của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định rõ: phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không chỉ là động lực phát triển kinh tế - xã hội mà còn là "không gian chiến lược mới" gắn liền với bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ quyền dữ liệu quốc gia, chuyển đổi số và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bài viết sử dụng chủ yếu phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp với phương pháp phân tích - tổng hợp. Nguồn dữ liệu được thu thập từ các văn kiện của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, các chiến lược, chương trình quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các báo cáo, nghiên cứu khoa học, bài viết đăng tải trên tạp chí chuyên ngành uy tín; cùng các tài liệu được công bố trên cổng thông tin điện tử chính thức của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước.

Việc lựa chọn tài liệu được thực hiện theo các tiêu chí: tính chính thống, độ tin cậy khoa học, tính cập nhật, mức độ liên quan trực tiếp đến vấn đề chủ quyền dữ liệu quốc gia và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, tác giả tiến hành phân loại, đối chiếu, so sánh và phân tích nội dung các tài liệu nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra đối với việc bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia tác động đến công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở Việt Nam hiện nay.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ quyền dữ liệu quốc gia trong kỷ nguyên số

Trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, mỗi giai đoạn lịch sử đều gắn với một dạng tài nguyên mang tính quyết định đối với quyền lực và sự phát triển. Nếu trong xã hội nông nghiệp, đất đai giữ vai trò trung tâm, trong xã hội công nghiệp là tư bản và máy móc, thì trong kỷ nguyên số, dữ liệu nổi lên như một loại “tài nguyên chiến lược mới”, có khả năng chi phối các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa và đời sống xã hội. Trong thời đại số hiện nay, dữ liệu quốc gia được hiểu là nguồn tài nguyên chiến lược, bao gồm toàn bộ thông tin, dữ liệu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, nó phản ánh thực trạng, tiềm lực và quá trình vận hành của đất nước. Đây không chỉ là nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực quản trị quốc gia, mà còn là yếu tố gắn liền với chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia và lợi ích quốc gia - dân tộc.

Trên cơ sở đó, khái niệm chủ quyền dữ liệu quốc gia cần được tiếp cận như một phạm trù vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính chính trị - quyền lực. Có thể hiểu chủ quyền dữ liệu quốc gia là quyền tối cao, toàn diện và độc lập của quốc gia trong việc xác lập, quản lý, kiểm soát, khai thác và bảo vệ các nguồn dữ liệu phát sinh trong lãnh thổ, cũng như các dữ liệu liên quan đến công dân, tổ chức của quốc gia trong không gian mạng. Xét từ góc độ lý luận về chủ quyền quốc gia, mọi nguồn lực có ý nghĩa chiến lược đối với sự tồn vong và phát triển của đất nước đều thuộc phạm vi thực thi chủ quyền của quốc gia. Hơn nữa dữ liệu hiện nay trở thành nguồn lực chiến lược mới, tác động trực tiếp đến quản trị quốc gia, phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh và định hướng nhận thức xã hội, đòi hỏi phải được quản lý dưới góc độ chủ quyền quốc gia. Trong kỷ nguyên số, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng biểu hiện thông qua quyền thiết lập và thực thi các quy định quản lý đối với những hoạt động số diễn ra tại phạm vi quyền tài phán của mình, ở đó dữ liệu giữ vai trò là đối tượng quản lý trung tâm. Đặc biệt, thực tiễn pháp luật và chính sách của Việt Nam về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và chuyển đổi số đều thể hiện rõ quyền của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm soát, khai thác và bảo vệ dữ liệu vì lợi ích quốc gia. Từ những cơ sở đó có thể khẳng định, chủ quyền dữ liệu là sự phát triển tất yếu của chủ quyền quốc gia trong kỷ nguyên số.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được xác định là động lực quan trọng để phát triển đất nước và là “không gian chiến lược mới” gắn với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Trên cơ sở nhận thức đó, dữ liệu ngày càng được xác định là nguồn lực chiến lược, giữ vai trò trung tâm trong quá trình phát triển đất nước và bảo

vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên số. Cụ thể hóa quan điểm này, ngày 02/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 142/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030, khẳng định: “Dữ liệu là nguồn tài nguyên mới, là yếu tố then chốt cho chuyển đổi số quốc gia, tạo ra giá trị mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phục vụ lợi ích người dân” (Thủ tướng Chính phủ, 2024). Tiếp đó, ngày 29/11/2024, Ban Bí thư ban hành Quyết định số 204-QĐ/TW phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số đồng bộ, thống nhất, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin nhằm phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Sự phát triển trong nhận thức của Đảng về vị trí và vai trò của dữ liệu tiếp tục được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIV, khi xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia toàn diện, trước hết tập trung hoàn thiện hạ tầng số và dữ liệu số. Điều đó cho thấy dữ liệu không chỉ được nhìn nhận là nguồn tài nguyên mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội mà còn là nền tảng quan trọng bảo đảm năng lực quản trị quốc gia, giữ vững chủ quyền số và bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số. Đặc biệt, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia ngày càng gia tăng, dữ liệu trở thành một trong những yếu tố cốt lõi của “công nghệ chiến lược”, ngày 20/3/2026 Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Phiên họp chuyên đề về Công nghệ chiến lược của Thường trực Ban Chỉ đạo đã kết luận tại Thông báo số 22-TB/CQTTBCĐ: “ Phát triển công nghệ chiến lược là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là vấn đề chiến lược quốc gia, liên quan trực tiếp đến năng lực cạnh tranh, khả năng tự chủ công nghệ và vị thế của đất nước trong giai đoạn mới ” (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, 2026). Điều này khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang xác định dữ liệu số không chỉ dừng ở khía cạnh kỹ thuật mà được nâng lên tầm chiến lược, gắn với năng lực cầm quyền.

3.1.2. Mối quan hệ giữa chủ quyền dữ liệu quốc gia và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh các thách thức phi truyền thống ngày càng gia tăng, chủ quyền dữ liệu quốc gia nổi lên như một “trụ cột mềm” có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng như: bảo đảm tính độc lập, tự chủ trong không gian thông

tin quốc gia. Khi dữ liệu được quản lý và kiểm soát bởi thiết chế trong nước, Việt Nam có thể chủ động xây dựng, vận hành các nền tảng thông tin phù hợp với định hướng chính trị - tư tưởng, hạn chế sự phụ thuộc vào những yếu tố xuyên biên giới; Thông qua việc khai thác dữ liệu lớn và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các cơ quan chức năng có thể kịp thời nhận diện các xu hướng thông tin tiêu cực, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp; Dữ liệu cho phép nắm bắt chính xác, kịp thời diễn biến tư tưởng, tâm trạng xã hội, qua đó giúp công tác tuyên giáo, dân vận được thực hiện một cách khoa học, hiệu quả hơn; Khi không gian thông tin được bảo đảm an toàn, minh bạch, người dân có điều kiện tiếp cận thông tin chính thống, từ đó củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, nếu nhìn từ góc độ chủ quyền dữ liệu quốc gia, thực tiễn quản trị cũng như khai thác dữ liệu hiện nay vẫn bộc lộ những bất cập mang tính hệ thống, không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay quản lý đơn thuần, mà trở thành một thách thức chính trị - an ninh - phát triển. Nổi lên trong đó là một nghịch lý lớn: dữ liệu gia tăng nhanh chóng về quy mô nhưng năng lực làm chủ và kiểm soát dữ liệu lại chưa theo kịp; hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện nhưng hiệu lực thực thi còn hạn chế; tiềm năng dữ liệu dồi dào nhưng giá trị khai thác thực tế còn thấp.

Trước hết, cần đánh giá khách quan về thực trạng lộ, lọt và mua bán dữ liệu cá nhân với quy mô lớn đang cho thấy "lỗ hổng chủ quyền" trong không gian dữ liệu. Theo báo cáo của Bộ Công an: "chỉ trong 6 tháng đầu năm 2025 đã có hơn 110 triệu bản ghi dữ liệu bị rao bán trái phép trên các diễn đàn không chính thống. Tình hình càng trở nên nghiêm trọng hơn trong quý 3 năm 2025, hơn 502 triệu bản ghi dữ liệu của các tổ chức, doanh nghiệp bị rò rỉ, trong khi số tài khoản cá nhân bị đánh cắp tăng 64% so với quý trước" (Phạm Huyền, 2026). Những con số này không chỉ phản ánh mức độ nghiêm trọng của vấn đề bảo mật dữ liệu, mà còn đặt ra một câu hỏi mang tính phản biện: liệu chúng ta đã thực sự làm chủ dữ liệu quốc gia, hay mới chỉ dừng lại ở việc "tạo ra dữ liệu" mà chưa kiểm soát được vòng đời của nó? Khi dữ liệu công dân - một bộ phận cấu thành chủ quyền quốc gia - có thể bị thu thập, trao đổi, thậm chí "xuất khẩu" trái phép ra nước ngoài vậy chủ quyền dữ liệu trên thực tế có bị xâm thực ngay từ bên trong ?

Thứ hai, một bất cập đáng chú ý là khoảng cách lớn giữa thiết kế chính sách và năng lực thực thi. Mặc dù hệ thống pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân có bước tiến quan trọng, song mức độ tuân thủ trong thực tiễn còn thấp. Theo một số khảo sát: "khoảng

67% tổ chức đã ban hành quy định nội bộ liên quan đến bảo vệ dữ liệu, nhưng chỉ khoảng 5,6% thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định" (Ánh Hồng, 2026). Điều này phản ánh một thực trạng mang tính cấu trúc: pháp luật đi trước nhưng năng lực thực thi không theo kịp, dẫn đến tình trạng "hợp pháp về hình thức nhưng lỏng lẻo về thực chất". Nhiều doanh nghiệp xây dựng quy trình bảo vệ dữ liệu chủ yếu để đối phó với yêu cầu pháp lý, chưa coi dữ liệu là tài sản chiến lược cần được quản trị một cách khoa học, lâu dài. Chính sự "hình thức hóa" này làm suy giảm hiệu lực của chính sách, khiến chủ quyền dữ liệu trở thành một mục tiêu mang tính tuyên bố hơn là một năng lực thực tế, từ thực tế đó, các thế lực thù địch có thể lợi dụng để thực hiện "diễn biến hòa bình".

Thứ ba, thực tiễn cho thấy quản trị dữ liệu ở Việt Nam còn mang tính phân mảnh, thiếu liên thông, chưa hình thành được một hệ sinh thái dữ liệu thống nhất. Bên cạnh việc xây dựng nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng, song tình trạng "cát cứ dữ liệu" giữa các bộ, ngành, địa phương vẫn phổ biến. Dữ liệu bị chia cắt theo ngành dọc, thiếu chuẩn hóa, thiếu cơ chế chia sẻ hiệu quả, dẫn đến trùng lặp, lãng phí, khó khai thác. Điều này đặt ra một vấn đề có tính phản biện: chúng ta có đang sở hữu "nhiều dữ liệu" nhưng lại thiếu "năng lực kết nối dữ liệu"? Nếu dữ liệu không được kết nối và tích hợp, thì nó khó có thể trở thành nguồn lực cho hoạch định chính sách hay đổi mới sáng tạo, do đó, giá trị của dữ liệu quốc gia sẽ bị suy giảm đáng kể và việc kết nối để nắm bắt được diễn biến tư tưởng của Nhân dân cũng sẽ bị tác động.

Thứ tư, việc kiểm soát dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới còn nhiều hạn chế, trong khi đây lại là "mặt trận" cốt lõi của chủ quyền dữ liệu trong kỷ nguyên số. Trên thực tế, phần lớn dữ liệu của người dùng Việt Nam hiện nay được lưu trữ, xử lý trên các nền tảng số xuyên biên giới. Tuy nhiên, cơ chế giám sát, kiểm soát việc chuyển dữ liệu ra nước ngoài vẫn chưa hoàn thiện, dẫn đến nguy cơ dữ liệu bị khai thác ngoài tầm kiểm soát của quốc gia. Vấn đề đặt ra không chỉ là bảo mật dữ liệu, mà sâu xa hơn là quyền kiểm soát đối với dòng chảy dữ liệu - một yếu tố cấu thành quyền lực trong nền kinh tế số. Nếu để các chủ thể bên ngoài nắm giữ, khai thác hoặc chi phối các dòng dữ liệu quan trọng có thể tạo ra nguy cơ thao túng thông tin, dẫn dắt dư luận và tác động tiêu cực đến môi trường tư tưởng - văn hóa của đất nước. Trong bối cảnh các thế lực thù địch ngày càng gia tăng lợi dụng không gian mạng để truyền bá thông tin sai trái, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, việc bảo đảm quyền kiểm soát dòng chảy

dữ liệu không chỉ là yêu cầu bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia mà còn là điều kiện quan trọng để giữ vững quyền chủ động trên mặt trận tư tưởng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số.

Thứ năm, yếu tố con người tiếp tục là “điểm nghẽn” trong quản trị dữ liệu. Theo các báo cáo an ninh mạng: “khoảng 70% sự cố rò rỉ dữ liệu có nguyên nhân từ lỗi con người” (Phạm Huyền, 2026). Điều này cho thấy rằng, dù công nghệ có hiện đại đến đâu, nếu thiếu một văn hóa dữ liệu và nguồn nhân lực đủ năng lực thì hệ thống bảo vệ dữ liệu vẫn dễ bị tổn thương. Vấn đề cốt lõi nằm ở kỹ năng và nhận thức và trách nhiệm. Khi dữ liệu chưa được nhìn nhận như một tài sản chiến lược gắn với chủ quyền, an ninh quốc gia, các lỗ hổng trong quản lý, sử dụng dữ liệu sẽ tiếp tục tồn tại. Trong bối cảnh không gian mạng trở thành địa bàn đấu tranh tư tưởng ngày càng quyết liệt, hạn chế về nhận thức bảo vệ dữ liệu cũng đồng nghĩa với việc gia tăng nguy cơ bị khai thác, thao túng thông tin, ảnh hưởng đến khả năng định hướng dư luận và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thứ sáu, một nghịch lý khác là dữ liệu nhiều nhưng giá trị khai thác thấp, phản ánh hạn chế trong việc chuyển hóa dữ liệu thành nguồn lực phát triển. Theo đánh giá của các cơ quan nghiên cứu, “phần lớn dữ liệu hiện nay mới dừng ở mức thu thập và lưu trữ, trong khi việc phân tích, chia sẻ và khai thác dữ liệu còn hạn chế” (Nguyễn Trường Giang, 2024). Nếu dữ liệu không được khai thác hiệu quả để tạo ra giá trị cho quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội và hỗ trợ hoạch định chính sách, thì chủ quyền dữ liệu sẽ chỉ tồn tại trên danh nghĩa mà chưa chuyển hóa thành sức mạnh thực tế của quốc gia. Từ đó sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước, làm suy giảm niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với môi trường số, tạo ra những khoảng trống để các thế lực thù địch lợi dụng không gian mạng nhằm thu thập, khai thác dữ liệu, phát tán thông tin sai lệch, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra không chỉ là hoàn thiện kỹ thuật hay pháp luật, mà là tái cấu trúc toàn diện cách tiếp cận đối với dữ liệu: từ quản lý sang quản trị, từ bị động bảo vệ sang chủ động làm chủ, từ khai thác đơn lẻ sang phát triển hệ sinh thái dữ liệu. Đồng thời, cần đặt quản trị dữ liệu trong tổng thể nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW, bởi dữ liệu không chỉ là tài nguyên kinh tế mà còn là “nguyên liệu đầu vào” của không gian thông tin, nơi diễn ra

cuộc đấu tranh tư tưởng ngày càng phức tạp. Chỉ khi giải quyết được những bất cập mang tính cấu trúc nêu trên, Việt Nam mới có thể chuyển từ “quốc gia giàu dữ liệu” sang “quốc gia mạnh về dữ liệu”, qua đó hiện thực hóa chủ quyền dữ liệu quốc gia trong kỷ nguyên số.

3.1.3. Một số giải pháp bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia gắn với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số.

Trong bối cảnh chủ quyền dữ liệu quốc gia đang trở thành một nội dung cốt lõi của chủ quyền quốc gia trong kỷ nguyên số, việc xác lập hệ thống yêu cầu và giải pháp bảo vệ mang tính toàn diện, đồng bộ, khả thi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật - công nghệ mà trước hết là vấn đề chính trị - chiến lược, gắn với vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực quản trị của Nhà nước và sự tham gia của toàn xã hội trong bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng. Đồng thời, đây còn là yêu cầu cấp thiết để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước những nguy cơ xâm nhập, thao túng, xuyên tạc, dẫn dắt thông tin từ các chủ thể bên ngoài; qua đó giữ vững chủ quyền nhận thức, bảo đảm an ninh tư tưởng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ trong điều kiện chuyển đổi số, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trước hết, yêu cầu có tính nguyên tắc trong bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia là kiên định và tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Đảng cần tiếp tục phát triển tư duy lý luận về chủ quyền số, chủ quyền dữ liệu, xem đây là bộ phận quan trọng của chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Văn kiện Đại hội XIII xác định “chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, xã hội số đi đôi với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021), qua đó đặt ra định hướng chiến lược cho việc gắn kết chặt chẽ giữa phát triển và bảo vệ trong lĩnh vực dữ liệu. Vấn đề này được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định một lần nữa tại Văn kiện Đại hội XIV của Đảng: “Tập trung phát triển công nghệ chiến lược. Thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia toàn diện, trước hết là hoàn thiện hạ tầng số, dữ liệu số; xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; bảo đảm an ninh mạng, an toàn dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng, phổ cập kỹ năng số, thu hẹp khoảng cách số; tạo môi trường thử nghiệm, khuyến khích đổi mới

và bảo vệ sáng tạo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Trên cơ sở đó, cần đẩy mạnh thể chế hóa các quan điểm của Đảng thành các chiến lược, chính sách, chương trình hành động đồng bộ, bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời nâng cao năng lực dự báo, nhận diện, ứng phó hiệu quả với các nguy cơ xâm phạm chủ quyền dữ liệu quốc gia.

Thứ hai, cần quán triệt, triển khai hiệu quả Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chương trình xác định phát triển hạ tầng dữ liệu quốc gia, xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn, phát triển các nền tảng số chiến lược, bảo đảm an ninh dữ liệu là những nhiệm vụ trọng tâm, tạo nền tảng trực tiếp để nâng cao năng lực bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia trong kỷ nguyên số. Đồng thời, Kế hoạch số 17-KH/BCĐ ngày 31/01/2026 về chuyển đổi số trong các cơ quan đảng cụ thể hóa các yêu cầu về xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị, góp phần hình thành cơ chế quản trị dữ liệu thống nhất, đồng bộ, an toàn. Việc thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các nhiệm vụ nêu trên không chỉ nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, năng lực cầm quyền của Đảng trên môi trường số mà còn tạo dựng “lá chắn” dữ liệu vững chắc trước các nguy cơ xâm nhập, đánh cắp, thao túng, xuyên tạc thông tin. Đây cũng là điều kiện quan trọng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, ngăn chặn sự phát tán các thông tin sai trái, thù địch, bảo đảm chủ quyền nhận thức quốc gia, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về dữ liệu nhằm tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia. Trọng tâm là xây dựng hệ thống quy định đồng bộ về quản lý, khai thác, lưu trữ, chia sẻ, bảo vệ dữ liệu; xác định rõ các loại dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, dữ liệu nhạy cảm cần được bảo vệ ở mức độ cao; đồng thời hoàn thiện cơ chế kiểm soát dữ liệu xuyên biên giới theo hướng hài hòa giữa yêu cầu bảo đảm chủ quyền quốc gia với thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số. Việt Nam, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời sớm xây dựng Luật Dữ liệu đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia trong điều kiện chuyển đổi số. Đồng thời, quán triệt, triển khai hiệu quả Thông báo số 22-TB/CQTTBCĐ ngày 20/3/2026

về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Phiên họp chuyên đề về công nghệ chiến lược, trong đó nhấn mạnh yêu cầu làm chủ các công nghệ nền tảng như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và an ninh mạng. Đây là điều kiện có ý nghĩa quyết định, bởi trong kỷ nguyên số, chủ quyền dữ liệu gắn liền với chủ quyền công nghệ; năng lực kiểm soát, bảo vệ, khai thác dữ liệu quốc gia chỉ có thể được bảo đảm bền vững trên cơ sở tự chủ về công nghệ chiến lược, qua đó góp phần trực tiếp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong không gian mạng, tăng cường “sức đề kháng” của xã hội trước các thông tin sai trái, thù địch.

Thứ tư, phát triển hạ tầng số quốc gia hiện đại, đồng bộ, an toàn gắn với nâng cao năng lực tự chủ công nghệ là yêu cầu nền tảng trong chuyển đổi số quốc gia. Trong bối cảnh đó, chủ quyền dữ liệu và chủ quyền công nghệ có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại chặt chẽ; mức độ làm chủ hạ tầng số quyết định không chỉ năng lực quản trị dữ liệu mà còn khả năng định hình không gian thông tin, môi trường tư tưởng trên không gian mạng. Vì vậy, cần ưu tiên phát triển hạ tầng dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu lớn, điện toán đám mây trong nước, hệ thống nền tảng số dùng chung; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, an ninh mạng. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định yêu cầu hoàn thiện hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện hiệu quả định hướng này không chỉ nâng cao năng lực tự chủ công nghệ, giảm phụ thuộc vào bên ngoài, mà còn góp phần kiểm soát dòng chảy thông tin, qua đó bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố sự thống nhất về nhận thức và niềm tin xã hội trong không gian số.

Thứ năm, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao nhận thức xã hội về bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt về nhân lực số, việc xây dựng đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, quản trị số giữ vai trò quyết định đối với năng lực làm chủ không gian dữ liệu, từ đó góp phần bảo đảm an ninh tư tưởng trên không gian mạng. Vì vậy, cần triển khai đồng bộ các giải pháp đào tạo, thu hút, trọng dụng, phát huy hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò chiến lược của dữ liệu, qua đó hình thành văn hóa số, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm công dân trên không gian mạng. Đây là cơ sở quan trọng

để củng cố “sức đề kháng” xã hội trước các thông tin sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong môi trường số.

Thứ sáu, tăng cường năng lực bảo đảm an ninh mạng gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian số. Trong điều kiện các thế lực thù địch, phản động, các loại tội phạm mạng ngày càng đẩy mạnh hoạt động thu thập dữ liệu, phát tán thông tin xấu độc, sai sự thật, thao túng dư luận xã hội bằng các công nghệ hiện đại, việc nâng cao năng lực bảo đảm an ninh mạng trở thành yêu cầu cấp thiết đối với bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia. Theo đó, cần xây dựng lực lượng chuyên trách có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn cao, năng lực làm chủ công nghệ, đủ khả năng chủ động phát hiện, cảnh báo sớm, ngăn chặn, xử lý hiệu quả các hành vi xâm phạm dữ liệu, đe dọa an ninh quốc gia trên không gian mạng. Đồng thời, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phát triển hệ sinh thái truyền thông số an toàn, lành mạnh; tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, lan tỏa thông tin chính thống cũng như các giá trị tích cực, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Đây là sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ “xây” và “chống” trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đồng thời góp phần tạo dựng môi trường dữ liệu an toàn, ổn định phục vụ hiệu quả sự nghiệp phát triển đất nước trong kỷ nguyên số.

Thứ bảy, chủ động đẩy mạnh hợp tác quốc tế về dữ liệu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ và bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là yêu cầu khách quan trong bối cảnh dữ liệu ngày càng mang tính xuyên biên giới, trở thành nguồn lực chiến lược của phát triển. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản trị dữ liệu, an ninh mạng, chuyển đổi số giúp Việt Nam tiếp cận tri thức, công nghệ, kinh nghiệm quản trị tiên tiến, đồng thời nâng cao năng lực tham gia xây dựng các nguyên tắc, tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế về dữ liệu. Tuy nhiên, quá trình hợp tác phải luôn đặt trong khuôn khổ bảo đảm chủ quyền quốc gia, giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, không để hình thành sự phụ thuộc về công nghệ, hạ tầng hoặc dữ liệu trong các lĩnh vực có tính chiến lược. Trên cơ sở đó, việc chủ động hội nhập quốc tế về dữ liệu góp phần nâng cao năng lực quản trị không gian thông tin và kiểm soát rủi ro an ninh mạng, đồng thời tăng cường khả năng định hướng, sàng lọc, xử lý thông tin trong môi trường số. Trong điều kiện không gian mạng ngày càng tác động sâu rộng đến đời sống chính trị - tinh thần của xã hội, những năng lực này có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố sự thống nhất về nhận thức xã hội,

nâng cao khả năng nhận diện, đấu tranh với các thông tin sai trái, xuyên tạc, thù địch. Qua đó, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số.

3.2. Thảo luận

3.2.1. Giữ vững chủ quyền dữ liệu quốc gia - điều kiện bảo đảm quyền chủ động trên mặt trận tư tưởng của Đảng hiện nay

Trong kỷ nguyên số, dữ liệu không chỉ là nguồn lực của phát triển mà còn trở thành nền tảng vận hành không gian thông tin và đời sống nhận thức xã hội. Với vai trò là nguồn đầu vào của các hoạt động thu thập, xử lý và phân phối thông tin, dữ liệu ngày càng tác động trực tiếp đến năng lực quản trị quốc gia, khả năng định hướng dư luận và bảo đảm an ninh tư tưởng. Vì vậy, quyền làm chủ dữ liệu về thực chất là quyền làm chủ không gian thông tin - một phương diện quan trọng của quyền lực quốc gia trong thời đại số. Điều đó cho thấy bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay không chỉ dừng lại ở việc đấu tranh với các thông tin sai trái, thù địch mà còn phải bắt đầu từ việc bảo đảm chủ quyền đối với các nguồn dữ liệu chiến lược.

Từ góc độ lý luận, chủ quyền dữ liệu quốc gia và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có mối quan hệ thống nhất, tác động qua lại chặt chẽ. Chủ quyền dữ liệu tạo cơ sở để Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị chủ động nắm bắt diễn biến tư tưởng xã hội, nâng cao năng lực dự báo, định hướng dư luận và giữ vững quyền chủ động trên mặt trận tư tưởng. Ngược lại, việc bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng là điều kiện chính trị quan trọng để xây dựng đồng thuận xã hội, hoàn thiện thể chế và huy động các nguồn lực cho quá trình xây dựng, bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng chứng minh: dữ liệu ngày càng được khẳng định là nguồn lực chiến lược của quốc gia, nhưng quyền kiểm soát đối với nhiều dòng dữ liệu quan trọng vẫn chưa thực sự tương xứng với yêu cầu bảo đảm độc lập, tự chủ. Sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng số xuyên biên giới đang làm gia tăng nguy cơ phụ thuộc về công nghệ, hạ tầng và dữ liệu, từ đó đặt ra những thách thức mới đối với chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Trong bối cảnh đó, nguy cơ tác động đến nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ xuất phát từ nội dung thông tin mà còn từ khả năng chi phối dữ liệu và các công nghệ xử lý dữ liệu. Cuộc đấu tranh tư tưởng vì thế đang dịch chuyển từ không gian thông tin sang không gian dữ liệu, nơi các công nghệ số có thể

tác động trực tiếp đến nhận thức, hành vi và xu hướng xã hội.

Từ đó có thể khẳng định, bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia không chỉ là yêu cầu của chuyển đổi số hay bảo đảm an ninh mạng, mà còn là điều kiện nền tảng để giữ vững quyền chủ động trên mặt trận tư tưởng trong kỷ nguyên số. Đây là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, cần được đặt trong tổng thể nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa và được tiếp cận như một bộ phận hữu cơ của công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay.

3.2.2. Chủ quyền dữ liệu quốc gia và những thách thức mới đối với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số

Từ thực tiễn quản trị và khai thác dữ liệu ở Việt Nam hiện nay cho thấy, chủ quyền dữ liệu quốc gia đang nổi lên như một vấn đề chiến lược, gắn chặt với bảo đảm an ninh quốc gia, năng lực quản trị đất nước và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thực tiễn cho thấy, dữ liệu trở thành nguồn lực cốt lõi của nền kinh tế số và không gian mạng, cần tiếp tục phát triển nhận thức về chủ quyền dữ liệu như một thành phần hữu cơ của chủ quyền quốc gia trong thời đại số. Điều này góp phần khẳng định dữ liệu quốc gia trở thành nguồn lực tạo lập quyền lực, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực hoạch định chính sách, định hướng dư luận xã hội và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số đang đặt ra bài toán giải quyết hài hòa giữa yêu cầu thúc đẩy lưu thông, chia sẻ và khai thác dữ liệu với yêu cầu giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian số. Đây thực chất là mối quan hệ giữa mở rộng kết nối để phát triển với bảo đảm độc lập, tự chủ trong quản trị dữ liệu. Nếu không xây dựng được năng lực kiểm soát và làm chủ dữ liệu, quốc gia có thể đối mặt với nguy cơ phụ thuộc công nghệ, suy giảm quyền kiểm soát các dòng dữ liệu chiến lược và gia tăng các rủi ro về an ninh quốc gia. Hơn nữa, sự phát triển của dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, các công nghệ phân tích hành vi đang làm thay đổi phương thức tác động đến đời sống tư tưởng xã hội. Cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không còn chỉ diễn ra ở tầng thông tin mà đang dịch chuyển sâu hơn xuống tầng dữ liệu - nơi hình thành, chi phối các dòng thông tin trong không gian mạng. Điều đó cho thấy bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số phải gắn liền với việc bảo đảm quyền kiểm soát đối với các nguồn dữ liệu chiến lược và quyền chủ động trong không gian

thông tin quốc gia.

Ở Việt Nam, khoảng cách giữa tiềm năng dữ liệu và năng lực làm chủ dữ liệu vẫn còn khá lớn. Mặc dù nguồn dữ liệu của Việt Nam ngày càng gia tăng, song tình trạng phân mảnh dữ liệu, hạn chế trong kết nối và chia sẻ dữ liệu, cùng với sự phụ thuộc nhất định vào các nền tảng công nghệ bên ngoài đang làm suy giảm khả năng chuyển hóa dữ liệu thành nguồn lực chiến lược phục vụ phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Điều đó đặt ra yêu cầu phải chuyển từ tư duy quản lý dữ liệu sang tư duy làm chủ dữ liệu, từ bảo vệ dữ liệu đơn thuần sang bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia như một nhiệm vụ chiến lược gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong kỷ nguyên số.

4. Kết luận

Trong kỷ nguyên số, chủ quyền dữ liệu quốc gia trở thành một nội dung quan trọng của chủ quyền quốc gia, gắn chặt với an ninh quốc gia và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Việc bảo đảm quyền kiểm soát, bảo vệ, khai thác hiệu quả dữ liệu không chỉ tạo động lực cho phát triển kinh tế số, xã hội số mà còn góp phần giữ vững ổn định chính trị, tư tưởng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Vì vậy, bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia cần được xác định là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc, chủ động thích ứng với những thách thức của thời đại số./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. (2026). Thông báo số 22-TB/CQTTBCĐ ngày 20/3/2026 kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Phiên họp chuyên đề về Công nghệ chiến lược của Thường trực Ban Chỉ đạo.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tập II, tr.329
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tập I, tr.26
4. Nguyễn Trường Giang. (2024). <https://tapchicongthuong.vn/thuc-trang-ve-van-de-bao-ve-du-lieu-ca-nhan--kinh-nghiem-mot-so-quoc-gia--khu-vuc-va-de-xuat-hoan-thien-phap-luat-o-viet-nam-hien-nay-123559.htm>

5. Ánh Hồng. (2026). <https://nhandan.vn/tu-luat-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-den-an-ninh-du-lieu-post936361.html>
6. Phạm Huyền. (2026). <https://cand.com.vn/Cong-nghe/bao-dong-thuc-trang-du-lieu-ca-nhan-bi-lo-lot-thiet-hai-hang-ngan-ty-dong-i800138/>
7. Thủ tướng Chính phủ. (2024). Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.